

**THÔNG TƯ liên bộ Y tế — Tài chính số 22-TT/LB ngày 22 tháng 7 năm 1985 quy định mức chi bình quân giường bệnh/năm áp dụng cho các bệnh viện Trung ương.**

Căn cứ vào kết quả khảo sát trong thời gian qua về kinh phí chữa bệnh và phục vụ người bệnh, liên bộ Y tế — Tài Chính quy định mức chi thường xuyên bình quân cho một giường bệnh thực sử dụng trong năm (340 ngày) áp dụng đối với các loại bệnh viện Trung ương như sau:

**I. ĐỊNH MỨC CHI THƯỜNG XUYÊN CHO TỪNG LOẠI BỆNH VIỆN**

1. Những khoản chi trong định mức bao gồm ba nhóm: Chi về bộ máy (nhóm I) chi về hành chính quản lý (nhóm II) và chi về nghiệp vụ (nhóm III) áp dụng với từng loại bệnh viện ghi trong bản tổng hợp kèm theo.

2. Tỷ lệ chi ít nhất dành để phục vụ trực tiếp người bệnh (nhóm III) chiếm 40 — 45% định mức chi thường xuyên.

3. Các khoản chi thường xuyên trong định mức tính theo tiêu chuẩn định mức hiện vật (thuốc men phương tiện làm việc, sinh hoạt cần thiết phục vụ công tác chữa bệnh). Riêng về thực phẩm nuôi dưỡng người bệnh tính theo định lượng quy định tại thông tư số 20-TT/LB ngày 18-8-1981 của liên bộ Nội thương — Y tế và giá chỉ đạo ổn định quy định tại công văn số 1465/V6 ngày 30-3-1984 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Đối với những bệnh viện, Nhà điều dưỡng Trung ương đóng tại các địa phương đang áp dụng chế độ bù giá vào lương, liên bộ sẽ căn cứ vào tình hình giá lương thực, thực phẩm của địa phương đó bán cho các bệnh viện, Nhà điều dưỡng Trung ương để xem xét, bổ sung thêm kinh phí.

4. Định mức chi thường xuyên được cấp phát trên cơ sở giường bệnh thực sử dụng (tổng số ngày điều trị/340 ngày). Trường hợp thực hiện vượt mức chỉ tiêu giường bệnh kế hoạch thì được cấp bổ sung định mức chi thường xuyên về các khoản chi của nhóm II và nhóm III theo tỷ lệ tăng lên tương ứng, nhưng không vượt quá tỷ lệ khống chế đã quy định là 10% giường kế hoạch.

5. Đối với công tác bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ nhà cửa và trang thiết bị, các Bệnh viện, Nhà điều dưỡng phải có quy chế, kế hoạch bảo quản, sửa chữa hàng năm để xây dựng định mức chi cho phù hợp.

**II. CHI THEO DỰ TOÁN NGOÀI ĐỊNH MỨC**

1. Chi về tiền thuốc cấp tại phòng khám được cấp bình quân 2 đồng/lần khám bệnh tính theo số lượt người đến khám bệnh tại Bệnh viện.

Đối với bệnh viện cán bộ (Việt Xô, Thống nhất, C Đà Nẵng, Bệnh viện E, G1) và các bệnh viện có tổ chức phòng khám theo quyết định số 91-TTg ngày 25-4-1974 của Thủ tướng Chính phủ phục vụ công nhân viên chức Nhà nước (kể cả hưu trí, mất sức) có đăng ký khám chữa bệnh phải thực hiện việc thu tiền Y Dược phí của cơ quan xí nghiệp nơi công nhân viên chức Nhà nước hưởng lương, hoặc trợ cấp hưu trí, mất sức nộp lên để chi. Riêng đối với bệnh viện Việt Xô, Thống nhất: Ngân sách Nhà nước có thể xem xét cấp bù thêm nếu với số Y Dược phí tự thu được không đủ đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh.

2. Khoản chi về trợ cấp tiền ăn cho bệnh nhân thuộc đối tượng chính sách vẫn thi hành theo quyết định số 252/CT ngày 13-11-1981 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

3. Các khoản chi về mua sắm tài sản có giá trị lớn, chi về sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ được cấp kinh phí ngoài định mức.

Các khoản viện trợ về thuốc men, trang thiết bị và vật tư thông dụng khác của các nước và các tổ chức quốc tế cho các bệnh viện cần được tính toán huy động sử dụng hàng năm để giảm cấp phát của ngân sách.

Tài chính và có hiệu lực thi hành từ ngày 1-7-1985.

Khi có thay đổi về tiền lương, giá cả liên bộ sẽ căn cứ vào những nội dung quy định trong thông tư này mà sửa đổi lại định mức chi cho phù hợp.

### III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này thay thế quyết định số 113/QĐ-LB ngày 6-3-1972 của liên bộ Y tế—

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Thủ trưởng  
NGÔ THIẾT THẠCH

K.T. Bộ trưởng Bộ Y tế  
Thủ trưởng  
g.s1 PHẠM SONG

### Định mức chi giường bệnh trung ương

(Kèm theo thông tư số 22TT/LB ngày 22 tháng 7 năm 1985)

Số TT	Các loại bệnh viện	Định mức chi giường bệnh/năm
<b>A. BỆNH VIỆN ĐA KHOA</b>		
1	Bệnh viện Việt Xô, Thống Nhất, C Đà Nẵng	45000 — 50000
2	Bệnh viện E, G1	33000 — 38000
3	Bệnh viện có viện trợ thiết bị toàn bộ (Chợ Rẫy, Việt Nam — Thụy Điển, Uông Bí, Việt Nam — Cu Ba	40000 — 47000
4	Đông Hới) — Đa khoa Bệnh viện Bạch Mai, Huế, Thái Nguyên	30000 — 35000
<b>B. BỆNH VIỆN CHUYÊN KHOA</b>		
1	Bệnh viện Việt Đức, Nhi Việt Nam — Thụy Điển	40000 — 45000
2	Bệnh viện Y học dân tộc	30000 — 32000
3	Bệnh viện Tâm Thần	18000 — 21000
4	Bệnh viện Lao (71, 74)	13000 — 15000
5	Bệnh viện chuyên khoa khác	30000 — 35000
6	Viện điều dưỡng	18000 — 20000
7	Khu điều trị Phong	5000 — 5500 đồng trại viện năm

### BỘ Y TẾ

**CHỈ THỊ** của Bộ Y tế số 20-BYT/CT ngày 18-7-1985 về việc nâng cao chất lượng thuốc chữa bệnh sản xuất và lưu hành ở các đơn vị, địa phương.

Trong những năm qua thực hiện các quan điểm của Đảng về công tác y tế, các

chủ trương công tác của Nhà nước và của ngành, công tác dược đã có những bước phát triển:

Ngành Công nghiệp dược phẩm đã được xây dựng và phát triển ở Trung ương và các địa phương, (hiện có 11 xí nghiệp Trung ương, 9 dược phẩm, 2 hóa dược, 1 bao bì) và 46 xí nghiệp tỉnh, thành phố với khối lượng gồm 200 triệu ống (phần lớn là ống uống) 2 tỷ viên (phần quan trọng là viên từ dược liệu) 800 tấn cốm bột và hoàn, 3 triệu lít thuốc nước và rượu thuốc...